

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/7/2018

Về việc: Ly hôn giữa chị Phạm Thị T

và anh Nguyễn Đức N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Duy Luân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Vũ Mạnh Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị T - sinh 1974

Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N - sinh 1972

Trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Đức N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức N trên cơ sở tự do, tự nguyện có tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/7/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là anh Nhanh thường xuyên uống rượu say về đánh đập vợ con, chị đã nhiều lần viết đơn xin ly hôn gửi Ủy ban nhân dân xã Q để giải quyết nhưng vì thương con nhỏ và được Ủy ban nhân dân xã phân tích, hòa giải nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên, anh Nhanh vẫn không thay đổi mà còn đánh chị nhiều hơn. Chị đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở xã Q để sinh sống từ tháng 02/2012, từ đó vợ chồng sống ly thân. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất quyết xin ly hôn anh Nhanh. Về quan hệ con cái, chị Phạm Thị T trình bày vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000, đến nay con Nguyễn Thị Tho đang ở với chị và tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai chị xin nuôi con H nhưng tại phiên tòa chị nhất trí giao con

Nguyễn Đức H cho anh Nguyễn Đức N tiếp tục nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chi không yêu cầu Tòa án giải về tài sản chung, vợ chồng chi không nợ nần ai, không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 10/5/2018 anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/7/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là chị T không hiểu và thông cảm cho hoàn cảnh gia đình anh, không tôn trọng anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Q sinh sống từ tháng 2/2012 và vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó. Chị T làm đơn xin ly hôn anh nhưng anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn do vậy anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Về quan hệ con cái, anh N xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000. Hiện con H đang ở cùng anh và nếu phải ly hôn anh xin tiếp tục nuôi con H và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng, con Nguyễn Thị T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng anh không nợ nần ai, không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 08/6/2018 cháu Nguyễn Văn H trình bày nguyện vọng đề nghị được ở với anh Nguyễn Đức N

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2018 đại diện chính quyền cơ sở thôn H và Ủy ban nhân dân xã Q đã báo cáo: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/7/1996. Trong quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, lý do chủ yếu là anh Nhanh thường uống rượu và nhiều lần đánh chửi vợ con. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị T nhiều lần có đơn xin ly hôn, chính quyền và gia đình đã phân tích hòa giải nhiều lần. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Q từ năm 2012 cho đến nay. Tháng 4/2018 thì chị T nhất quyết làm đơn xin ly hôn anh N, địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả nên đã chuyển đơn và tài liệu cho Tòa án giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì địa phương có nhận được các thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải, giấy triệu tập và các tài liệu khác của Tòa án, địa phương đã trực tiếp giao cho anh Nguyễn Đức N. Nay quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật giải quyết cho chị T được ly hôn anh N để các bên sớm ổn định cuộc sống góp phần gìn an ninh trật tự tại địa phương. Về quan hệ con cái thì chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000, hiện cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, cháu H cũng sắp đủ 18 tuổi nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu H. Về tài sản thì địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị Phạm Thị T trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp

hành đúng các quy định của pháp luật. Riêng anh Nguyễn Đức N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng chỉ lên Tòa án 1 lần, còn lại vắng mặt không có lý do vì vậy đại diện Viện kiểm sát không nhận xét về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức N. Về quan hệ con cái, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N có 02 con chung là Nguyễn Thị T sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000, cháu T đã đủ tuổi trưởng thành và đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H cho anh N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh N và cháu H. Về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Án phí thì chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N đều có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn anh N và trong quá trình giải quyết, anh N đã có bản tự khai gửi Tòa án, tuy nhiên anh không chấp hành giấy triệu tập và các thông báo phiên hòa giải của Tòa án mặc dù anh đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa xét xử ngày 03/7/2018 anh N vắng mặt không lý do Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và đã gửi cho anh N và niêm yết tại UBND xã Q và tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức N.

Đánh giá các mối quan hệ của hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N thì thấy:

Về hôn nhân, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/7/1996 là hôn nhân hợp pháp. Thực trạng trong quan hệ vợ chồng chị T và anh N thì vợ chồng anh chị đều xác nhận có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 2 năm 2012 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mặc dù anh N xin đoàn tụ nhưng anh N không tham gia các phiên hòa giải và cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án cho thấy anh N không mong muốn tìm giải pháp để cải thiện mối quan hệ để hai bên có cơ hội đoàn tụ, chị Phạm Thị T nhất quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh N theo quy định. Vì vậy, xét thực trạng quan hệ vợ chồng thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ vào các điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T ly hôn đối với anh Nguyễn Đức N.

Về quan hệ con cái, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N có 02 con chung là Nguyễn Thị T sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000, đến nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, anh N có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu H và

cháu H cũng mong muốn được ở với bố, tại phiên tòa chị T cũng nhất trí với nguyện vọng của cháu H vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Đức H cho anh N nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Việc thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh Nguyễn Đức N vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết về tài sản

Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51;56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức N

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 03/7/1997 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/2000. Giao con Nguyễn Đức H cho anh Nguyễn Đức N nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đức N không yêu cầu chị Phạm Thị T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Phạm Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0003617 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Nguyễn Đức N, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục Thi hành án huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Duy Luân

